TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2025/DS-PT
Ngày 10/3/2025
V/v "Tranh chấp đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 911/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 271/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Trúc M, sinh năm 1966 (có mặt);

Cư trú tại: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 17/01/2024): Ông Ngô Trúc L, sinh năm 1959; Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Hồng S (vắng mặt);

Địa chỉ: R nails, (907) 373-2310 591 Larks Hwy#404a W, Ak99654.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền ngày 11/9/2024): Ông Lê Hoàng M1; cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Trúc X, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: E Camelotdr A A, A.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X (Giấy ủy quyền ngày 17/01/2024): Ông Ngô Trúc L, sinh năm 1959; Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Ngô Hồng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/02/2024 của nguyên đơn – bà Ngô Trúc M và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Ngô Trúc L) trong quá trình tố tụng như sau:

Ông Ngô Trúc L và bà Ngô Trúc M, bà Ngô Trúc X và ông Ngô Hồng S đều là con ruột của bà Phan Thị N. Vào năm 1998, ông S thiếu nợ vay của nhiều người, đã có quyết định của Tòa án và quyết định thi hành án. Theo đó, ông S có trách nhiệm trả nợ cho những người sau đây:

+ Trả cho bà Phạm Thị H 24 chỉ vàng 24k và 2.000.000 đồng.

+ Trả cho ông Nguyễn Văn N1 4.500.000 đồng.

+ Trả cho bà Phùng Thị H1 23 chỉ vàng 24k.

+ Trả cho bà Trần Thị Hồng T 500.000 đồng.

+ Trả cho ông Phạm Minh T1 20 chỉ vàng 24k.

Tổng cộng ông S có trách nhiệm trả là 67 chỉ vàng 24k và số tiền là 7.000.000 đồng.

Do căn nhà và phần đất của gia đình tại thửa 163, 164 bị kê biên bán đấu giá. Vì sợ cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất nên bà X gửi tiền về cho bà M để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông S, gửi về số tiền 36.000.000 đồng tương đương 67 chỉ vàng 24k và 7.000.000 đồng, có các phiếu thu của cơ quan Thi hành án kèm theo để chứng minh. Căn nhà và phần đất tại thửa 163, 164 hiện nay phát sinh tranh chấp về di sản thừa kế, đã được Tòa án giải quyết chia thừa kế, do có kháng cáo nên chờ Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Tuy bà M đã trả nợ xong cho ông S nhưng cho đến nay ông S vẫn chưa trả tiền lại cho bà M mặc dù bà mai đã nhiều lần yêu cầu. Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông Ngô Hồng S phải trả lại cho bà M tổng số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và 67 (sáu mươi bảy) chỉ vàng 24k.

Tại Bản tự khai ngày 30/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Hồng S và những người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày:

Bà Ngô Trúc M chỉ là người thay mặt ông S đi đóng tiền thi hành án theo Quyết định thi hành án số 26/THA ngày 26/01/1999 với tổng số tiền là 36.000.000 đồng, chứ không có việc bà M, bà X cho ông S mượn tiền. Số tiền mà bà M liên hệ đóng dùm ông S theo Phiếu thu tiền ngày 08/5/2001 của cơ quan thi hành án là do trước đó ngày 06/5/2001 ông S đã mượn tiền của ông Châu Thành L1 (là bạn thân của ông S) để đưa cho bà M thay mặt ông S đóng

dùm nhưng không có giấy tờ giao tiền cho bà M.Tuy nhiên, ông S có cung cấp chứng cứ là đoạn ghi âm diễn biến phiên tòa ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang ghi lại lời thừa nhận của bà M nộp thay ông S có được là do cấn trừ quyền sử dụng đất cụ N làm thủ tục tặng cho bà M.

Ông S không có nợ tiền của bà M, không mượn tiền của bà M nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M. Đối với khoản tiền bà M nộp cho cơ quan thi hành án, căn cứ Biên bản thi hành án năm 2001 thì bà M mua lại căn nhà và đất thổ cư đã bị kê biên bán đấu giá tại thửa 163 và 164, chứ không phải bà M trả nợ thay cho ông S nên không thể ghi nợ cho ông S. Theo đơn khởi kiện thì khoản nợ này là của bà X, không phải là của bà M nên bà M không có quyền kiện đòi lại. Biên lai nộp tiền chỉ thể hiện nộp 36.000.000 đồng nên yêu cầu trả 67 chỉ vàng 24k và 7.000.000 đồng là không đúng. Mặt khác, bà X là người gửi tiền về nên ai hưởng căn nhà thì trả tiền lại cho bà X.

Tại Bản tự khai ngày 16/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Trúc X và đại diện theo ủy quyền của bà X là ông Ngô Trúc L trình bày:

Vào khoảng năm 2000, bà M nhận tiền từ bà X gửi về để trả nợ thay cho ông S nhằm không cho phát mãi tài sản của gia đình do cụ Phan Thị N đứng tên. Đối với khoản tiền đã gửi về thì bà X sẽ tự thỏa thuận với bà M, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của nguyên đơn bà Ngô Trúc M.

Buộc bị đơn ông Ngô Hồng S có trách nhiệm trả cho bà Ngô Trúc M số tiền là 516.200.000 đồng (năm trăm mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2024 bị đơn – ông Ngô Hồng S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Ngô Trúc M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông Lê Hoàng M1 đại diện theo uỷ quyền của bị đơn – ông Ngô Hồng S trình bày nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm, lý do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chưa đúng quy định của pháp luật và thực tế khách

quan cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm thay đổi thẩm phán nhưng không có quyết định thay đổi; không lập biên bản ghi nhận ý kiến, lời khai của đương sự; ông S không nợ tiền bà M, việc bà M nộp tiền thi hành án là để mua lại nhà và đất thổ cư đã bị kê biên bán đấu giá tại thửa 163 và 164; sau khi nộp tiền thi hành án, bà M đã sử dụng nhà đất trên cho đến nay; Biên lai nộp tiền thi hành án chỉ thể hiện bà M nộp 36.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quy đổi vàng thành tiền buộc ông S phải trả lại cho bà M là không đúng.

- Ông Ngô Trúc L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ý kiến trên của phía bị đơn là không có cơ sở, không đúng sự thật. Bà M đã thi hành án thay cho ông S 67 chỉ vàng, chỉ có 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) tiền mặt; nhà đất tại thửa 163 và 164 vẫn là nhà cha mẹ và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm chia thừa kế cho các đồng thừa kế, trong đó ông S, hiện có kháng cáo nhưng chỉ liên quan đến cách chia, đang chờ Tòa án cấp phúc thẩm xét xử.

Tại phần tranh luận:

- Ông Lê Hoàng M1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận:

Số tiền bà M nộp thi hành án theo Biên bản thi hành án năm 2001 là 36.000.000 đồng, mục đích bà M mua lại căn nhà và đất thổ cư đã bị kê biên bán đấu giá chứ không phải bà M trả nợ thay cho ông S. Ông S cũng không vay số tiền này của bà M và bà M không chứng minh được việc ông S vay của bà M số tiền trên. Hiện nay giấy tờ nhà vẫn đứng tên bà M, bà M sử dụng nhà từ trước đến nay. Biên lai nộp tiền chỉ thể hiện nộp 36.000.000 đồng nhưng bà M yêu cầu ông S trả 67 chỉ vàng 24k và 7.000.000 đồng là không hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Ông Ngô Trúc L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Bà M đã đứng ra trả nợ cho các chủ nợ của ông S, trong đó nợ vàng tổng cộng 67 chỉ và nợ tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Như trên đã trình bày, việc bị đơn cho rằng bà M bỏ tiền ra mua lại nhà đất trên là không đúng sự thật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở xác định Bản án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Ngô Hồng S yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1]. Về tố tụng: Xét việc người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc thay đổi thẩm phán; làm việc với đương sự không lập biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự; nhưng không trình bày được ý kiến cụ thể và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến này là có căn cứ. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng không thể hiện việc đương sự có đơn yêu cầu thay đổi thẩm phán và có Quyết định thay đổi thẩm phán; hồ sơ thể hiện các bên đều có trình bày ý kiến tại bản tự khai, Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ theo đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, người đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu hủy án vì lý do vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Ngô Trúc M số tiền 516.200.000 đồng (năm trăm mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng), thấy rằng :

[1.2.1]. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/1999.QĐ ngày 06/01/1999 ghi nhận ông S có trách nhiệm trả nợ cho bà Phạm Thị H 24 chỉ vàng 24k và 2.000.000 đồng; trả cho ông Nguyễn Văn N1 số tiền 4.500.000 đồng; trả cho bà Phùng Thị H1 23 chỉ vàng 24k; trả cho bà Trần Thị Hồng T số tiền 500.000 đồng; trả cho ông Phạm Minh T1 20 chỉ vàng 24k.

[1.2.2]. Căn cứ Quyết định thi hành án số số 26/THA ngày 26/01/1999 của Đội Thi hành án huyện V, tỉnh Cần Thơ (cũ); phiếu thu ngày 08/5/2001 của Đội thi hành án huyện Vị Thuỷ (có chữ ký của bà M ký tên người nộp), có cơ sở xác định: Ngày 08/5/2001, bà Ngô Trúc M có nộp thay cho ông Ngô Hồng S các khoản tiền thi hành án gồm 37 chỉ vàng 24K và 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/1999.QĐ ngày 06/01/1999. Tại thời điểm thi hành án, tổng số vàng được quy đổi thành tiền và số tiền 7.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 36.000.000 đồng(ba mươi sáu triệu đồng).

[1.2.3]. Xét thấy, phía ông S lúc thì khai nguồn tiền ông thi hành án là do ông S mượn của ông Châu Thành L2 để đưa bà M nộp dùm, lúc thì khai số tiền bà M nộp thi hành án là do bà M mua lại căn nhà và đất thổ cư đã bị kê biên bán đấu giá chứ không phải bà M trả nợ thay cho ông S. Tuy nhiên, lời khai trên của phía ông S không được bà M thừa nhận, ông S cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Bà M trình bày số tiền bà M nộp thi hành án là từ nguồn tiền của bà Ngô Trúc X gửi về phù hợp với lời khai của của Ngô Trúc X tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DSST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang như sau: "*... Vào năm 2001, bà có đứng ra trả nợ cho ông S (do ông S bị cưỡng chế thi hành án dân sự), số nợ mà ông S đã nợ người khác bị Tòa án buộc ông S trả nợ tiền và vàng tương ứng số tiền 36.000.000 đồng,...".*

[1.2.4]. Về việc, phía ông S cho rằng số tiền bà M nộp thi hành án thay ông S đã được cụ N cấn trừ bằng việc ký hợp đồng tặng cho bà M quyền sử dụng đất và cung cấp đoạn ghi âm phiên tòa ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để chứng minh. Bản án sơ thẩm cũng đã đánh giá về đoạn băng ghi âm này và không chấp nhận ý kiến trên của ông S với lý do: Bản ghi âm có nội dung bà M trình bày phần đất bà M được cụ N ký hợp đồng tặng cho là do bà M mua lại của cụ N để lấy tiền trả nợ cho ông S nhưng không thể hiện nguồn tiền bà M mua lại phần đất do cụ N chuyển nhượng dùng để trả khoản nợ nào của ông S, nên không đủ cơ sở chứng minh việc bà M nộp tiền thay cho ông S tại Đội Thi hành án huyện Vị Thủy đã được cấn trừ xong; việc cụ N ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà M được thực hiện vào các năm 2005 và 2009, là sau thời điểm bà M nộp tiền tại Đội Thi hành án huyện V, nên không thể cho rằng cụ N bán phần đất cho bà M để lấy tiền trả nợ thay cho ông S tại Đội Thi hành án.

[1.2.5]. Tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn vẫn cho rằng số tiền bà M nộp thi hành án là mua lại căn nhà và đất thổ cư đã bị kê biên bán đấu giá chứ không phải bà M trả nợ thay cho ông S nhưng không có ý kiến gì đối với nhận định trên của bản án sơ thẩm và cũng không không cung cấp được thêm chứng cứ nào nào mới chứng minh. Mặt khác, tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DSST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã xác định nhà đất trên là di sản thừa kế của cụ N, cụ L3 và chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ N, cụ L3 trong đó có ông S. Do đó ý kiến trên của ông S là không có căn cứ.

[1.2.6]. Như vậy, việc bà M yêu cầu ông S trả lại cho bà M khoản tiền đã thi hành án thay cho ông S xuất phát từ tiền của bà X gửi về, không liên quan đến việc cụ N chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M để cấn trừ nợ vì thực tế hiện nay nhà đất này là di sản thừa kế của cụ N và cụ L3. Bà X cũng có văn bản thể hiện ý kiến để bà M khởi kiện trong vụ án này, giữa bà X với bà M sẽ thỏa thuận sau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc ông S phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền là 7.000.000 đồng và 67 chỉ vàng 24k, quy đổi giá trị vàng thành tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 7.600.000 đồng/chỉ, thành tiền là 509.200.000 đồng. Tổng cộng ông S phải trả cho bà M số tiền là 516.200.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Bị đơn kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của bị đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Ngô Hồng S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của nguyên đơn - bà Ngô Trúc M.

1.2. Buộc bị đơn - ông Ngô Hồng S có trách nhiệm trả cho bà Ngô Trúc M số tiền 516.200.000 đồng (năm trăm mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn - ông Ngô Hồng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 24.648.000 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Nguyên đơn - bà Ngô Trúc M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.520.000 đồng theo Biên lai thu số 0000180 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn - ông Ngô Hồng S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000373 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang. Sau khi cấn trừ, ông Ngô Hồng S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, lưu hồ sơ, NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa